

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Hợp nhất giữa niên độ năm 2024**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty CP thủy điện Nậm Mu thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) hợp nhất giữa niên độ năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

- Mã chứng khoán: HJS
- Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang
- Điện thoại liên hệ/Tel: 0219.3827.276 Fax: 0219.3827.276
- Email: [TCHTnammu@gmail.com](mailto:TCHTnammu@gmail.com) Website: [thuydiennammu.com.vn](http://thuydiennammu.com.vn)

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2024

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không



+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 22 / 08 /2024 tại đường dẫn: [thuydiennammu.com.vn](http://thuydiennammu.com.vn)

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm.

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch:.....

- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất);.....

- Ngày hoàn thành giao dịch:.....

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC bán niên/2024

**Đại diện Công ty CP thủy điện Nậm Mu**

Người UQCBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



**Trần Xuân Du**



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẠM MU**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**CHO KỶ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/01/2024 ĐẾN NGÀY 30/06/2024**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 29



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 của Công ty.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Trần Thế Quang	Chủ tịch
Ông Bùi Trọng Cẩn	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Kỳ	Thành viên
Bà Trần Thị Len	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Lương	Thành viên

#### Ban Kiểm soát

Bà Trần Ngọc Anh	Trưởng Ban
Bà Trần Thị Chung	Thành viên
Bà Đặng Thị Đoàn Trang	Thành viên

#### Ban Giám đốc

Ông Bùi Trọng Cẩn	Giám đốc
Ông Vũ Ngọc Toàn	Phó Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty là Ông Trần Xuân Du

### CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30/06/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ngoài ra, Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Bùi Trọng Cẩn**  
Giám đốc

Hà Giang, ngày 19 tháng 8 năm 2024



Số: 847/2024/UHY-BCSX

**BÁO CÁO SOÁT XÉT**  
**THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 19 tháng 8 năm 2024, từ trang 05 đến trang 29 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/06/2024, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



**Nguyễn Minh Long**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0666-2023-112-1  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**  
Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 2024

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30/06/2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>163.288.301.285</b>	<b>143.717.572.537</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	93.353.165.007	82.545.796.657
Tiền	111		27.353.165.007	18.545.796.657
Các khoản tương đương tiền	112		66.000.000.000	64.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	7	30.500.000.000	31.100.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		30.500.000.000	31.100.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		26.771.655.066	17.370.268.579
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	25.721.144.144	16.734.017.294
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		533.717.500	72.600.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	521.579.486	568.437.349
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(4.786.064)	(4.786.064)
Hàng tồn kho	140	10	12.281.190.985	12.270.454.889
Hàng tồn kho	141		12.281.190.985	12.270.454.889
Tài sản ngắn hạn khác	150		382.290.227	431.052.412
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	-	78.718.022
Thuế GTGT được khấu trừ	152		382.290.227	352.334.390
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>212.100.653.658</b>	<b>220.122.511.011</b>
Tài sản cố định	220		209.877.748.931	216.625.806.009
Tài sản cố định hữu hình	221	11	209.877.748.931	216.625.806.009
- Nguyên giá	222		723.293.847.083	718.831.392.083
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(513.416.098.152)	(502.205.586.074)
Tài sản dở dang dài hạn	240	6	343.272.727	343.272.727
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		343.272.727	343.272.727
Tài sản dài hạn khác	260		1.879.632.000	3.153.432.275
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	1.879.632.000	3.153.432.275
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>375.388.954.943</b>	<b>363.840.083.548</b>



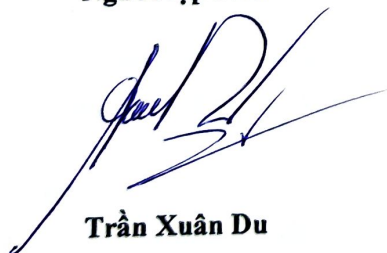
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Tại ngày 30/06/2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>69.131.438.895</b>	<b>38.597.347.564</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>69.131.438.895</b>	<b>38.597.347.564</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	13.298.866.437	12.105.680.954
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	13.108.747.654	13.097.976.992
Phải trả người lao động	314		5.425.429.567	6.459.971.567
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	5.816.444.445	2.060.127.941
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	27.646.550.735	2.566.759.176
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.835.400.057	2.306.830.934
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>306.257.516.048</b>	<b>325.242.735.984</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>16</b>	<b>306.257.516.048</b>	<b>325.242.735.984</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		209.999.000.000	209.999.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411		209.999.000.000	209.999.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(468.780.000)	(468.780.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		44.315.289.385	44.315.289.385
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		41.785.907.169	60.798.381.857
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421	a	10.346.431.732	6.870.948.926
- LNST chưa phân phối kỳ này	421		31.439.475.437	53.927.432.931
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		32.678.666	32.678.666
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		10.593.420.828	10.566.166.076
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>375.388.954.943</b>	<b>363.840.083.548</b>

Hà Giang, ngày 19 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu

  
Trần Xuân Du

Kế toán trưởng

  
Trần Xuân Du

Giám đốc



  
Bùi Trọng Căn

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024	Từ 01/01/2023
			đến 30/06/2024	đến 30/06/2023
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	87.042.413.079	72.450.597.705
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		87.042.413.079	72.450.597.705
Giá vốn hàng bán	11	18	43.773.121.665	37.495.567.680
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		43.269.291.414	34.955.030.025
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	1.493.760.582	2.030.019.849
Chi phí tài chính	22		26.682.320	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20	5.129.228.953	4.839.688.542
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		39.607.140.723	32.145.361.332
Thu nhập khác	31		-	-
Chi phí khác	32	21	145.484.538	87.507.623
Lợi nhuận khác	40		(145.484.538)	(87.507.623)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		39.461.656.185	32.057.853.709
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	7.994.925.996	6.583.147.069
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		31.466.730.189	25.474.706.640
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		31.439.475.437	25.354.418.571
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		27.254.752	120.288.069
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	1.497	1.207
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	25	1.497	1.207

Hà Giang, ngày 19 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

  
Trần Xuân Du

  
Trần Xuân Du





**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

*Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024	Từ 01/01/2023
			đến 30/06/2024	đến 30/06/2023
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>39.461.656.185</b>	<b>32.057.853.709</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		11.160.405.076	17.462.740.518
(Lãi)/lỗ hoạt động đầu tư	05		(1.493.760.582)	(2.030.019.849)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>49.128.300.679</b>	<b>47.490.574.378</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(9.473.335.751)	(10.971.079.165)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(10.736.096)	(10.933.000)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		7.347.362.221	2.518.889.773
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.352.518.297	1.814.846.020
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(11.559.246.009)	(9.447.330.456)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.673.494.000)	(1.802.377.002)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>34.111.369.341</b>	<b>29.592.590.548</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.462.455.000)	(5.126.210.800)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(3.842.109.589)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		600.000.000	3.000.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.535.754.009	1.944.991.889
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(2.326.700.991)</b>	<b>(4.023.328.500)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(20.977.300.000)	(25.174.343.580)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(20.977.300.000)</b>	<b>(25.174.343.580)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>10.807.368.350</b>	<b>394.918.468</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	82.545.796.657	47.087.668.252
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	93.353.165.007	47.482.586.720

Hà Giang, ngày 19 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Trần Xuân Du

Trần Xuân Du

Bùi Trọng Cần





## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 5100174626, đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 05 năm 2003 với số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 1003000005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 09 lần được cấp Giấy chứng nhận thay đổi để phù hợp với tình hình hoạt động, lần thứ 09 là ngày 02 tháng 7 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đến ngày 30/06/2024 là 209.999.000.000 đồng chia thành 20.999.900 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó, Công ty Cổ phần Sông Đà 9 góp 107.100.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 51%, các cổ đông khác góp 102.899.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 49%.

#### 1.2 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất điện thương phẩm.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và bán buôn điện thương phẩm.

#### 1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### 1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô có trụ sở chính tại Tầng 8, toà nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty con này là Kinh doanh bất động sản, xây lắp. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại Công ty con là 75,9%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

#### 1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 đã được soát xét.

#### 1.6 NHÂN VIÊN

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2024 là 124 người (tại ngày 01/01/2024 là 118 người).

### 2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

### 2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính hợp nhất của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

### 2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này:

### 3.1 CƠ SỞ HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong các hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh thích hợp để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ với Công ty con và giữa công ty con với nhau, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

#### Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)*

### 3.1 CƠ SỞ HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

#### Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Công ty phải xem xét quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty được mua được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Công ty đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Khi Công ty thoái một phần vốn tại công ty con:

- Nếu sau khi thoái vốn Công ty vẫn giữ quyền kiểm soát: Kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.
- Nếu sau khi thoái vốn Công ty mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành công ty liên doanh, liên kết: khoản đầu tư còn lại được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết” trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì phần chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Công ty và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

### 3.3 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### 3.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

### 3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc hàng tồn kho là nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tại ngày 30/06/2024, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

### 3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

### 3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kế toán tài sản cố định hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Thời gian khấu hao cụ thể như sau: Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kế toán tài sản cố định hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	25
- Máy móc, thiết bị	5 - 15
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	5

### 3.8 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

### 3.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước là chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 24 đến 36 tháng.

### 3.10 NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

### 3.11 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ đi các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

### 3.12 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### 3.13 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Công ty là doanh thu bán điện thành phẩm

#### Doanh thu bán điện thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

### 3.13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

#### Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

#### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

#### Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

### 3.14 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, giao dịch và số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Tiền mặt	88.766.554	33.166.799
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	27.264.398.453	18.512.629.858
- Các khoản tương đương tiền	66.000.000.000	64.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>93.353.165.007</b>	<b>82.545.796.657</b>

**5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	-	78.718.022
- Chi phí sửa chữa, thay thế tài sản cố định	-	78.718.022
b) Dài hạn	1.879.632.000	3.153.432.275
- Chi phí sửa chữa, thay thế tài sản cố định	1.879.632.000	3.153.432.275
<b>Cộng</b>	<b>1.879.632.000</b>	<b>3.232.150.297</b>

**6. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công trình Thủy điện Nậm Mu mở rộng	343.272.727	343.272.727
<b>Cộng</b>	<b>343.272.727</b>	<b>343.272.727</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**7. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
a) Ngắn hạn	30.500.000.000	30.500.000.000	31.100.000.000	31.100.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	30.500.000.000	30.500.000.000	31.100.000.000	31.100.000.000
b) Dài hạn	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>30.500.000.000</b>	<b>30.500.000.000</b>	<b>31.100.000.000</b>	<b>31.100.000.000</b>

(\*) Tại ngày 30/06/2024, các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng tại Ngân hàng Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng với lãi suất từ 4,6%/năm đến 8,5%/năm.

**8. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	25.721.144.144	-	16.734.017.294	-
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	25.721.144.144	-	16.734.017.294	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>25.721.144.144</b>	<b>-</b>	<b>16.734.017.294</b>	<b>-</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**9. PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	521.579.486	4.786.064	568.437.349	4.786.064
- Tạm ứng	45.297.098	-	46.208.125	-
- Lãi dự thu	407.495.875	-	449.489.302	-
- Các khoản phải thu khác	68.786.513	4.786.064	72.739.922	4.786.064
b) Dài hạn	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>521.579.486</b>	<b>4.786.064</b>	<b>568.437.349</b>	<b>4.786.064</b>

**10. HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	22.186.000	-	22.186.000	-
- Công cụ dụng cụ	17.912.096	-	7.176.000	-
- Hàng hóa Bất động sản (*)	12.241.092.889	-	12.241.092.889	-
<b>Cộng</b>	<b>12.281.190.985</b>	<b>-</b>	<b>12.270.454.889</b>	<b>-</b>

(\*) Là bất động sản được hình thành từ việc gán trừ công nợ giữa Công ty CP Sông Đà Tây Đô và nhóm cổ đông cũ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Doanh nghiệp VNS.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa	Máy móc	Phương tiện	Thiết bị	TSCĐ HH	Cộng
	vật kiến trúc	thiết bị	vận tải, truyền dẫn	dụng cụ quản lý	khác	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2024	519.322.457.802	195.754.555.865	3.134.672.052	118.636.364	501.070.000	718.831.392.083
- Mua trong kỳ	-	4.462.455.000	-	-	-	4.462.455.000
30/06/2024	519.322.457.802	200.217.010.865	3.134.672.052	118.636.364	501.070.000	723.293.847.083

**HAO MÒN LŨY KẾ**

01/01/2024	(305.309.401.056)	(193.850.015.945)	(2.859.694.807)	(77.909.095)	(108.565.171)	(502.205.586.074)
- Khấu hao trong kỳ	(10.386.261.528)	(685.541.272)	(82.493.184)	(6.109.092)	-	(11.160.405.076)
- Hao mòn TSCĐ quỹ phúc lợi	-	-	-	-	(50.107.002)	(50.107.002)
30/06/2024	(315.695.662.584)	(194.535.557.217)	(2.942.187.991)	(84.018.187)	(158.672.173)	(513.416.098.152)

**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

01/01/2024	214.013.056.746	1.904.539.920	274.977.245	40.727.269	392.504.829	216.625.806.009
30/06/2024	203.626.795.218	5.681.453.648	192.484.061	34.618.177	342.397.827	209.877.748.931

Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2024 là: 193.684.682.551 đồng (tại 01/01/2024 là: 193.684.682.551 đồng)



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>13.298.866.437</b>	<b>13.298.866.437</b>	<b>12.105.680.954</b>	<b>12.105.680.954</b>
- Công ty TNHH Thiết bị và Kỹ thuật điện VK	1.379.769.974	1.379.769.974	-	-
- Công ty Cổ phần Điện Khánh Nguyên	1.361.898.468	1.361.898.468	-	-
- Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật điện Minh Ngọc	1.036.908.000	1.036.908.000	-	-
- Công ty Cổ phần thiết bị Công nghiệp Miền Bắc	910.311.000	910.311.000	1.533.600.000	1.533.600.000
- Công ty TNHH Thiết bị Điện Á Châu	8.609.978.995	8.609.978.995	905.269.200	905.269.200
- Các nhà cung cấp khác	-	-	9.666.811.754	9.666.811.754
<b>b) Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>13.298.866.437</b>	<b>13.298.866.437</b>	<b>12.105.680.954</b>	<b>12.105.680.954</b>

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2024		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		30/06/2024	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	119.774.166	119.774.166	5.523.516.164	3.859.578.761	1.783.711.569	1.783.711.569	1.783.711.569	1.783.711.569
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.838.857.935	11.838.857.935	7.994.925.996	11.559.246.009	8.274.537.922	8.274.537.922	8.274.537.922	8.274.537.922
- Thuế thu nhập cá nhân	311.591.799	311.591.799	246.949.250	447.970.517	110.570.532	110.570.532	110.570.532	110.570.532
- Thuế tài nguyên	777.230.670	777.230.670	6.297.169.878	4.142.864.758	2.931.535.790	2.931.535.790	2.931.535.790	2.931.535.790
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	98.184	98.184	-	-	98.184	98.184	98.184	98.184
- Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	8.293.657	8.293.657	922.647.500	922.647.500	8.293.657	8.293.657	8.293.657	8.293.657
- Các loại thuế khác	-	-	6.000.000	6.000.000	-	-	-	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	42.130.581	42.130.581	144.609.825	186.740.406	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>13.097.976.992</b>	<b>13.097.976.992</b>	<b>21.132.818.613</b>	<b>21.122.047.951</b>	<b>13.108.747.654</b>	<b>13.108.747.654</b>	<b>13.108.747.654</b>	<b>13.108.747.654</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>5.816.444.445</b>	<b>2.060.127.941</b>
- Chi phí sửa chữa Nhà máy Nậm Mu	2.112.037.037	657.116.942
- Chi phí sửa chữa Nhà máy Nậm Ngần	1.586.796.296	1.251.102.887
- Chi phí sửa chữa Nhà máy Nậm An	2.107.611.112	131.908.112
- Chi phí phải trả khác	10.000.000	20.000.000
<b>b) Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>5.816.444.445</b>	<b>2.060.127.941</b>

**15. PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>27.646.550.735</b>	<b>2.566.759.176</b>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>183.000.000</i>	<i>366.000.000</i>
- Thủ lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	183.000.000	366.000.000
<i>Phải trả khác</i>	<i>27.463.550.735</i>	<i>2.200.759.176</i>
- Kinh phí công đoàn	278.779.879	218.104.879
- Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	26.880.000	160.841
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	25.656.505.945	434.025.945
- Quỹ bảo vệ môi trường rừng - tỉnh Hà Giang	1.348.885.728	1.400.353.668
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	152.499.183	148.113.843
<b>b) Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>27.646.550.735</b>	<b>2.566.759.176</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>5.816.444.445</b>	<b>2.060.127.941</b>
- Chi phí sửa chữa Nhà máy Nậm Mu	2.112.037.037	657.116.942
- Chi phí sửa chữa Nhà máy Nậm Ngần	1.586.796.296	1.251.102.887
- Chi phí sửa chữa Nhà máy Nậm An	2.107.611.112	131.908.112
- Chi phí phải trả khác	10.000.000	20.000.000
<b>b) Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>5.816.444.445</b>	<b>2.060.127.941</b>

**15. PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>27.646.550.735</b>	<b>2.566.759.176</b>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>183.000.000</i>	<i>366.000.000</i>
- Thủ lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	183.000.000	366.000.000
<i>Phải trả khác</i>	<i>27.463.550.735</i>	<i>2.200.759.176</i>
- Kinh phí công đoàn	278.779.879	218.104.879
- Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	26.880.000	160.841
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	25.656.505.945	434.025.945
- Quỹ bảo vệ môi trường rừng - tỉnh Hà Giang	1.348.885.728	1.400.353.668
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	152.499.183	148.113.843
<b>b) Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>27.646.550.735</b>	<b>2.566.759.176</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**16.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Nguồn vốn đầu tư XD CB	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND						
01/01/2023	209.999.000.000	(468.780.000)	44.315.289.385	32.678.666	62.010.927.594	10.379.291.052	326.268.406.697	
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	53.740.557.907	186.875.024	53.927.432.931	
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(54.953.103.644)	-	(54.953.103.644)	
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(4.553.343.644)	-	(4.553.343.644)	
+ Chia cổ tức	-	-	-	-	(50.399.760.000)	-	(50.399.760.000)	
<b>31/12/2023</b>	<b>209.999.000.000</b>	<b>(468.780.000)</b>	<b>44.315.289.385</b>	<b>32.678.666</b>	<b>60.798.381.857</b>	<b>10.566.166.076</b>	<b>325.242.735.984</b>	
01/01/2024	209.999.000.000	(468.780.000)	44.315.289.385	32.678.666	60.798.381.857	10.566.166.076	325.242.735.984	
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	31.439.475.437	27.254.752	31.466.730.189	
- Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	-	(50.451.950.125)	-	(50.451.950.125)	
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(4.252.170.125)	-	(4.252.170.125)	
+ Chia cổ tức	-	-	-	-	(46.199.780.000)	-	(46.199.780.000)	
<b>30/06/2024</b>	<b>209.999.000.000</b>	<b>(468.780.000)</b>	<b>44.315.289.385</b>	<b>32.678.666</b>	<b>41.785.907.169</b>	<b>10.593.420.828</b>	<b>306.257.516.048</b>	

(\*) Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Năm Mù số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2024.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**16.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Sông Đà 9	107.100.000.000	107.100.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư ICAPITAL	38.401.000.000	38.401.000.000
- Công ty Cổ phần Dây điện và Phích cắm Trần Phú	22.328.000.000	22.328.000.000
- Các cổ đông khác	42.170.000.000	42.170.000.000
<b>Cộng</b>	<b>209.999.000.000</b>	<b>209.999.000.000</b>

**16.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
- Vốn góp đầu kỳ	209.999.000.000	209.999.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	209.999.000.000	209.999.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	46.199.780.000	50.399.760.000

**16.4 CỔ PHIẾU**

	30/06/2024	01/01/2024
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.999.900	20.999.900
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.999.900	20.999.900
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>20.999.900</i>	<i>20.999.900</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.999.900	20.999.900
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>20.999.900</i>	<i>20.999.900</i>
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

**17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
Doanh thu bán điện thành phẩm	87.042.413.079	72.450.597.705
<b>Cộng</b>	<b>87.042.413.079</b>	<b>72.450.597.705</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
Giá vốn bán điện thành phẩm	43.773.121.665	37.495.567.680
<b>Cộng</b>	<b>43.773.121.665</b>	<b>37.495.567.680</b>

**19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.493.760.582	2.030.019.849
<b>Cộng</b>	<b>1.493.760.582</b>	<b>2.030.019.849</b>

**20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
- Chi phí nhân viên quản lý	3.276.886.692	3.213.757.043
- Chi phí vật liệu quản lý	346.233.265	256.436.324
- Chi phí đồ dùng văn phòng	173.665.789	54.876.727
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	88.602.276	88.602.276
- Thuế, phí và lệ phí	99.596.063	64.832.244
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	253.423.108	227.756.789
- Chi phí bằng tiền khác	890.821.760	933.427.139
<b>Cộng</b>	<b>5.129.228.953</b>	<b>4.839.688.542</b>

**21. CHI PHÍ KHÁC**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
- Tiền chậm nộp thuế	145.484.538	24.380.069
- Chi phí khác	-	63.127.554
<b>Cộng</b>	<b>145.484.538</b>	<b>87.507.623</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
- Chi phí nguyên vật liệu	10.365.440.127	2.473.087.786
- Chi phí nhân công	11.704.641.918	11.670.185.028
- Khấu hao tài sản cố định	11.160.405.076	17.412.633.516
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.279.310.753	8.345.620.509
- Chi phí bằng tiền khác	11.392.552.744	2.433.729.383
<b>Cộng</b>	<b>48.902.350.618</b>	<b>42.335.256.222</b>

**23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	7.966.657.394	6.458.384.403
Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô	28.268.602	124.762.666
<b>Cộng</b>	<b>7.994.925.996</b>	<b>6.583.147.069</b>

**24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	31.439.475.437	25.354.418.571
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	31.439.475.437	25.354.418.571
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	20.999.900	20.999.900
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>1.497</b>	<b>1.207</b>

**25. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

Ban Giám đốc Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu pha loãng giá trị cổ phiếu do đó lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**26. THÔNG TIN KHÁC**

**26.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024, Công ty có Giao dịch với các Bên liên quan bao gồm:

***Tên Công ty***

***Mối quan hệ***

Công ty Cổ phần Sông Đà 9

Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà

Cùng Tổng Công ty

**Số dư với bên liên quan**

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà		
Trà trước cho người bán	93.117.500	-

**Giao dịch với bên liên quan**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Công ty Cổ phần Sông Đà 9		
Trà cổ tức	10.710.000.000	12.852.000.000

**Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt**

Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu đã trình bày lại nội dung tổng thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành trong kỳ hoạt động từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 để trình bày số liệu so sánh bao gồm các khoản lương, thưởng và thù lao như sau:



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**26. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**26.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

***Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (tiếp)***

Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Tiền lương VND	Thưởng VND	Thù lao VND	Tổng VND
<b>HDQT và Ban Giám đốc</b>	<b>222.940.000</b>	<b>84.500.000</b>	<b>264.000.000</b>	<b>571.440.000</b>
- Ông Trần Thế Quang ( <i>Chủ tịch HDQT</i> )	-	20.000.000	72.000.000	92.000.000
- Ông Bùi Trọng Cẩn ( <i>Thành viên HDQT/ Giám đốc</i> )	222.940.000	19.500.000	48.000.000	290.440.000
- Ông Nguyễn Viết Kỳ ( <i>Thành viên HDQT</i> )	-	15.000.000	48.000.000	63.000.000
- Bà Trần Thị Len ( <i>Thành viên HDQT</i> )	-	15.000.000	48.000.000	63.000.000
- Ông Nguyễn Đức Lương ( <i>Thành viên HDQT</i> )	-	15.000.000	48.000.000	63.000.000
<b>Ban Kiểm soát</b>	<b>126.518.000</b>	<b>30.500.000</b>	<b>72.000.000</b>	<b>229.018.000</b>
- Bà Trần Ngọc Anh ( <i>Trưởng ban</i> )	126.518.000	14.500.000	-	141.018.000
- Bà Trần Thị Chung ( <i>Thành viên</i> )	-	8.000.000	36.000.000	44.000.000
- Bà Đặng Thị Đoàn Trang ( <i>Thành viên</i> )	-	8.000.000	36.000.000	44.000.000
<b>Ban Giám đốc</b>	<b>365.447.000</b>	<b>18.000.000</b>	<b>48.000.000</b>	<b>431.447.000</b>
- Ông Vũ Ngọc Toàn ( <i>Phó Giám đốc</i> )	182.948.000	9.000.000	30.000.000	221.948.000
- Ông Trần Xuân Du ( <i>Kế toán trưởng</i> )	182.499.000	9.000.000	18.000.000	209.499.000
<b>Cộng</b>	<b>714.905.000</b>	<b>133.000.000</b>	<b>384.000.000</b>	<b>1.231.905.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**26. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**26.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

**Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (tiếp)**

Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 (trình bày lại)	Tiền lương VND	Thưởng VND	Thù lao VND	Tổng VND
<b>HĐQT và Ban Giám đốc</b>	<b>202.480.000</b>	<b>82.500.000</b>	<b>264.000.000</b>	<b>548.980.000</b>
- Ông Trần Thế Quang (Chủ tịch HĐQT)	-	20.000.000	72.000.000	92.000.000
- Ông Bùi Trọng Căn (Thành viên HĐQT/ Giám đốc)	202.480.000	17.500.000	48.000.000	267.980.000
- Ông Nguyễn Việt Kỳ (Thành viên HĐQT)	-	15.000.000	48.000.000	63.000.000
- Bà Trần Thị Len (Thành viên HĐQT)	-	15.000.000	48.000.000	63.000.000
- Ông Nguyễn Đức Lương (Thành viên HĐQT)	-	15.000.000	48.000.000	63.000.000
<b>Ban Kiểm soát</b>	<b>123.218.000</b>	<b>35.500.000</b>	<b>72.000.000</b>	<b>230.718.000</b>
- Bà Trần Ngọc Anh (Trưởng ban)	123.218.000	15.500.000	-	138.718.000
- Bà Trần Thị Chung (Thành viên)	-	10.000.000	36.000.000	46.000.000
- Bà Đặng Thị Đoan Trang (Thành viên)	-	10.000.000	36.000.000	46.000.000
<b>Ban Giám đốc</b>	<b>335.851.000</b>	<b>13.000.000</b>	<b>36.000.000</b>	<b>384.851.000</b>
- Ông Vũ Ngọc Toàn (Phó Giám đốc)	168.646.000	6.500.000	24.000.000	199.146.000
- Ông Trần Xuân Du (Kế toán trưởng)	167.205.000	6.500.000	12.000.000	185.705.000
<b>Cộng</b>	<b>661.549.000</b>	<b>131.000.000</b>	<b>372.000.000</b>	<b>1.164.549.000</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**26. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**26.2 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu đã được soát xét.

Hà Giang, ngày 19 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu

  
Trần Xuân Du

Kế toán trưởng

  
Trần Xuân Du

Giám đốc

  
Bùi Trọng Cần